

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2019/DS-ST

Ngày 26/12/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và ông Hoàng Minh Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Cán bộ Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69b/2019/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 71b giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường S, quận T, TP. Hồ Chí Minh.;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh Đ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 153/2019/GUQ -ĐNO ngày 21/6/2019 của Giám đốc Chi nhánh Đ).

Địa chỉ: Số B, đường K, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trương Quang N, sinh năm: 1987

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/05/2018, ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ tổng số tiền vay: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), bao gồm hai hợp đồng, cụ thể:

-Theo Hợp đồng tín dụng số : LD1813100363 ngày 07/05/2018 thì ông N và bà

H vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) nhận nợ ngày 16/05/2018 theo Giấy nhận nợ số: 01/ LD 1813600930; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên 12%, tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, kể từ ngày nhận nợ, lãi suất toàn bộ dư nợ vay được Ngân hàng điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ + biên độ 5,1%/ năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ban đầu, được điều chỉnh 03 tháng 01 lần, thời hạn trả nợ ngày 16/05/2019.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số: LD1812300456 ngày 07/05/2018 thì ông N và bà H vay số tiền gốc 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) nhận nợ ngày 16/05/2018 theo Giấy nhận nợ số: 01/ LD1812300456, thời hạn vay: 24 tháng (phân kỳ trả nợ: 02 kỳ, kỳ đầu trả 450.000.000 đồng vào ngày 16/05/2019, kỳ thứ 2 trả 450.000.000 đồng khi đáo hạn; thời hạn cuối là ngày 16/05/2020 với số tiền còn lại.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Ông N và bà H đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 251/18/TC -ĐS ngày 16/05/2018, được công chứng ngày 16/05/2018 tại Văn Phòng công chứng Lê Anh T và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 16/05/2018 theo quy định của pháp luật gồm các tài sản hợp pháp sau đây:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 272385 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/11/2012 cho ông Trương Quang N.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 272100 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/11/2012 cho ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 728467 do UBND huyện Đ cấp ngày 05/02/2013 cho ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H.

Đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trên ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã thông báo và nhắc nhở nhiều lần. Việc đó thể hiện ông N và bà H đã cố tình vi phạm các điều khoản hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, ngày 16/05/2019 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn và ngày 28/05/2019 Ngân hàng ra Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ quá hạn.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H phải trả toàn bộ số nợ gồm nợ gốc của hai hợp đồng là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi của số tiền gốc trên tính đến ngày xét xử (ngày 26/12/2019) là 329.177.851 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi một đồng); tổng cộng cả gốc và lãi là 1.729.177.815 đồng.

Bị đơn ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo theo các văn bản tố tụng mà Tòa án niêm yết. Vì vậy, Tòa án

không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn ông N và bà H vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự; đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/12/2019 là 329.177.815 đồng.

Ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: LD1813100363 ngày 07/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số: LD1812300456 ngày 07/05/2018 như đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thi hành kể từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu ông Trương Quang N, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/12/2019 đối với 02 hợp đồng đã ký kết là 329.177.815 đồng. **Hiện nay, ông N và bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú và tài sản tại T10, xã N. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.**

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua xác minh tại địa phương nơi ông N và bà H nơi cư trú xác định, có Hộ khẩu và sinh sống tại địa phương nhưng đi làm ăn đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông N và bà H không có mặt tại Tòa án làm việc như thông báo. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được

coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

Căn cứ các hợp đồng tín dụng số: LD1813100363 ngày 07/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số: LD1812300456 ngày 07/05/2018, tính đến ngày xét xử ông N và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/12/2019 là 329.177.815 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.729.177. 815 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười lăm nghìn đồng). Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử).

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 251/18/TC- ĐS ngày 16/05/2018 ông N và bà H đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo lãnh nhằm bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích ông N và bà H được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản đứng tên ông N và bà H đã thế chấp, theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông N và bà H không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi như hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.150.000 đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, ông N và bà H phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông N và bà H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 3.150.000 đồng.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 1.729.177. 815 đồng = 36.000.000 đồng + (3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 929.177.815 đồng x 3%) = 27.875.500 đồng. Tổng cộng án phí phải chịu là: 36.000.000 đồng + 27.875.500 đồng = 63.875.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ [khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 271](#) của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Buộc ông Trương Quang N, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.729.177. 815 đồng (Một tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười lăm nghìn đồng), trong đó 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi là 329.177.815 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm mười lăm nghìn đồng), thời hạn tính tiền lãi tính đến ngày 26/12/2019).

Kể từ ngày 27/12/2019, ông Trương Quang N, bà Nguyễn Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng số : LD1813100363 ngày 07/05/2018 và Hợp đồng tín dụng số: LD1812300456 ngày 07/05/2018, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Trương Quang N, bà Nguyễn Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 251/18/TC-ĐS ngày 16/05/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi như hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Các tài sản bảo đảm để xử lý và thu hồi nợ tại hợp đồng thế chấp trên gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 272385 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/11/2012 cho ông Trương Quang N.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 272100 do UBND huyện Đ cấp ngày 12/11/2012 cấp cho ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 728467 do UBND huyện Đ cấp ngày 05/02/2013 cấp cho ông Trương Quang N và bà Nguyễn Thị H.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), buộc Trương Quang N, bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 3.150.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Trương Quang N, bà Nguyễn Thị H phải nộp 63.875.500 đồng (sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 29.853.000 đồng (Hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002267 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà